

DANH SÁCH

Các hộ gia đình cá nhân có đất thu hồi nằm trong phạm vi thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thể thao Olympic Địa bàn thôn Bạch Nao, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (đợt 1)

(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Hưng)

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân là:					464	768.661,8	0,0	768.661,8							
1	Bà Lê Khánh Vân	001199014362	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	35	723,0	0,0	723,0	LUC	00	9-10	723,0	LUC	AA 04692021	15/01/2026
2	Ông Nguyễn Trần Nhật Quang (Nguyễn Hải Phương Linh)	001096030957	404 K2, Tổ 43 TTHV HCM, Nghĩa Đô, Hà Nội	Giọt Dưới	83	177	3564,0	0,0	3564,0	LUC	00	5-21	3564,0	LUC	AA 00082562	19/02/2025
				Giọt Dưới	83	175	2810,0	0,0	2810,0	LUC	00	6-21	2810,0	LUC	AA 00082563	19/02/2025
				Giọt Dưới	83	179	4237,0	0,0	4237,0	LUC	00	4-21	4237,0	LUC	AA 00082564	19/02/2025
				Giọt Dưới	83	180	2635,0	0,0	2635,0	LUC	00	3-21	2635,0	LUC	AA 00082565	19/02/2025
3	Ông Nguyễn An Hoàng	001075000108	Tổ 11, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đồng Sục	83	123	536,0	0,0	536,0	LUC	00	7-22	536,0	LUC	AA 00823003	12/05/2025
				Đồng Sục	83	110	127,0	0,0	127,0	LUC	00	6-22	127,0	LUC	AA 00823582	17/06/2025
				Đồng Sục	83	189	409,0	0,0	409,0	LUC	00	6-22	409,0	LUC		
4	Hộ ông Nguyễn Đình Biển	001066013356	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Dưới	85	47	1828,0	0,0	1828,0	LUC	00	26-11	1828,0	LUC	CG 241725	07/12/2025
5	Ông Đinh Anh Quân	035076004168	TDP 7, Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Năm Cây	85	25	3882,0	0,0	3882,0	LUC	00	12-8	3882,0	LUC	AA 00823518	16/7/2025
				Năm Cây	85	11	2986,0	0,0	2986,0	LUC	00	1-8	2986,0	LUC	AA 00823519	16/7/2025
6	Hộ ông Phạm Đắc Quốc	001057029925	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	36	3943,0	0,0	3943,0	LUC	00	10-18	3943,0	LUC	CG 222855	07/12/2016
7	Hộ ông Vũ Văn Thành	001071011861	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Dưới	84	2	2270,0	0,0	2270,0	LUC	00	39-12	2270,0	LUC	CG 241680	07/12/2016
8	Hộ ông Nguyễn Hữu Sáng (Hòa)	001060029968	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	15	3517,0	0,0	3517,0	LUC	00	37-12	3517,0	LUC	CG 241681	07/12/2016
9	Hộ bà Phạm Thị Phay	001131007204	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Quán Cự	83	45	3121,0	0,0	3121,0	LUC	00	4-20	3121,0	LUC	CG 241684	07/12/2016
10	Hộ ông Nguyễn Đình Tuấn	001080009801	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	85	684,0	0,0	684,0	LUC	00	22-13	684,0	LUC	CG 241689	07/12/2016
11	Hộ ông Nguyễn Trọng Huân	001068030147	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Dưới	85	68	1814,0	0,0	1814,0	LUC	00	32-11	1814,0	LUC	CG 241698	07/12/2016
12	Hộ bà Phạm Thị Vê	001139009257	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Quán Cự	83	61	2996,0	0,0	2996,0	LUC	00	6-20	2996,0	LUC	CG 241708	07/12/2016
13	Hộ ông Đỗ Đức Long	001069034794	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Thờ Cui Ngoài	84	68	2013,0	0,0	2013,0	LUC	00	25-13	2013,0	LUC	CG 241711	07/12/2016
14	Hộ ông Nguyễn Trọng Đoàn (Dân)	001049014243	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Trên	84	25	1607,0	0,0	1607,0	LUC	00	10-10	1607,0	LUC	CG 241714	07/12/2016
15	Hộ bà Nguyễn Thị Thắm	001167031531	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	86	1000,0	0,0	1000,0	LUC	00	20-13	1000,0	LUC	CG 241720	07/12/2016
16	Hộ ông Nguyễn Đình Phi (Hiền)	001063010470	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	14	2295,0	0,0	2295,0	LUC	00	2-18	2295,0	LUC	CG 241722	07/12/2016
17	Hộ ông Nguyễn Hữu Kiểm (Huệ)	001063005961	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	82	4979,0	0,0	4979,0	LUC	00	14-13	4979,0	LUC	CG 241724	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
18	Ông Nguyễn Tam Thọ - Đại diện cho hộ ông Nguyễn Tam Quyền (đã chết)	001055003263	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	85	62	1677,0	0,0	1677,0	LUC	00	35-11	1677,0	LUC	CG 241726	07/12/2016
19	Hộ ông Phạm Đắc Đức	001074014553	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	27	991,0	0,0	991,0	LUC	00	9-10	991,0	LUC	CG 241727	07/12/2016
20	Hộ bà Nguyễn Thị Hồng (Sinh)	,001174023435	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	66	1725,0	0,0	1725,0	LUC	00	32-11	1725,0	LUC	CG 241728	07/12/2016
21	Hộ ông Nguyễn Đình Dũng (Phượng)	001059016985	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai Dưới	84	58	3178,0	0,0	3178,0	LUC	00	31-11	3178,0	LUC	CG 241730	07/12/2016
22	Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết (Hiền)	001169029552	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai Dưới	84	59	1490,0	0,0	1490,0	LUC	00	30-11	1490,0	LUC	CG 241732	07/12/2016
23	Hộ ông Nguyễn Trọng Thu (Thơ)	001070005928	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai Trên	84	31	921,0	0,0	921,0	LUC	00	6-10	921,0	LUC	CG 241744	07/12/2016
24	Hộ ông Nguyễn Trọng Duệ (Vinh)	001057033021	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai Trên	84	24	1728,0	0,0	1728,0	LUC	00	11-10	1728,0	LUC	CG 241748	07/12/2016
				Đông Giai Dưới	85	26	1314,0	0,0	1314,0	LUC	00	44-12	1314,0	LUC		
				Đông Giai Dưới	85	45	533,0	0,0	533,0	LUC	00	24-11	533,0	LUC		
25	Hộ ông Nguyễn Trọng Hiền (Mai)	0001070005929	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	66	3378,0	0,0	3378,0	LUC	00	10-13	3378,0	LUC	CG 241749	07/12/2016
				Cui Ngoài	83	76	220,0	0,0	220,0	LUC	00	13-13	220,0	LUC		
26	Ông Phạm Duy Sơn - Đại diện cho hộ bà Quang Thị Nhin	001067004356	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Quán Cự	83	23	820,0	0,0	820,0	LUC	00	2-20	820,0	LUC	CG 241762	07/12/2016
27	Ông Phạm Duy Hưng - Đại diện hộ ông Phạm Duy Trác đã chết	001071030314	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai Trên	84	21	1771,0	0,0	1771,0	LUC	00	13-10	1771,0	LUC	CG 241763	07/12/2016
28	Hộ ông Nguyễn Trọng Vê (Dệt)	001055003700	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	84	32	3285,0	0,0	3285,0	LUC	00	45-14	3285,0	LUC	CG 241768	07/12/2016
				Cui Ngoài	84	54	1016,0	0,0	1016,0	LUC	00	1-13	1016,0	LUC		
29	Hộ ông Nguyễn Đình Công (Phượng)	001071052936	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	43	1864,0	0,0	1864,0	LUC	00	42-14	1864,0	LUC	CG 241769	07/12/2016
30	Hộ ông Phạm Thị Phương (Tinh)	001152027259	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Đông Giai Trên	84	10	1593,0	0,0	1593,0	LUC	00	4-10	1593,0	LUC	CG 241770	07/12/2016
31	Hộ ông Nguyễn Đình Trường	001076015963	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Quán Cự	83	19	1212,0	0,0	1212,0	LUC	00	1-20	1212,0	LUC	CG 241773	07/12/2016
32	Hộ ông Nguyễn Mạnh Cường(yên)	001049001362	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	8	2671,0	0,0	2671,0	LUC	00	2-10	2671,0	LUC	CG 241776	07/12/2016
33	Hộ bà Nguyễn Thị Nảy (Cao)	001149011343	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	40	2515,0	0,0	2515,0	LUC	00	41-14	2515,0	LUC	CG 241777	07/12/2016
34	Hộ ông Phạm Duy Quân	001060004677	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	84	55	2075,0	0,0	2075,0	LUC	00	2-13	2075,0	LUC	CG 241780	07/12/2016
35	Hộ ông Nguyễn Trọng Mai (Cúc)	001063005959	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	26	3162,0	0,0	3162,0	LUC	00	32-14	3162,0	LUC	CG 241781	07/12/2016
36	Hộ ông Phạm Đắc Thường	0010730311875	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	85	48	1011,0	0,0	1011,0	LUC	00	27-11	1011,0	LUC	CG 241783	07/12/2016
37	Hộ ông Nguyễn Đình Đông	001043007095	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	41	2177,0	0,0	2177,0	LUC	00	43-14	2177,0	LUC	CG 241786	07/12/2016
				Đông Thờ Cui Ngoài	83	80	52,6	0,0	52,6	LUC	00	17-13	52,6	LUC		
38	Hộ ông Phạm Duy Hưng	001071030314	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Sục Trong	83	16	1113,0	0,0	1113,0	LUC	00	1-18	1113,0	LUC	CG 241787	07/12/2016
39	Hộ ông Nguyễn Trọng Hưng	1064009771	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	20	2677,0	0,0	2677,0	LUC	00	27-14	2677,0	LUC	CG 241789	07/12/2016
40	Hộ bà Phạm Thị Loan	001147001734	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	84	70	1102,0	0,0	1102,0	LUC	00	23-13	1102,0	LUC	CG 241790	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo						Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý						
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
41	Hộ bà Nguyễn Thị Chín (Xi)	001161016078	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	60	1567,0	0,0	1567,0	LUC	00	26-13	1567,0	LUC	CG 241794	07/12/2016
				Đồng Thờ Cui Ngoài	83	79	108,3	0,0	108,3	LUC	00	26-13	108,3	LUC		
42	Hộ bà Nguyễn Thị Đích	1152023894	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	81	119,0	0,0	119,0	LUC	00	21-19	119,0	LUC	CG 241795	07/12/2016
43	Hộ ông Nguyễn Trọng Tuyển	001055027737	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Trên	84	9	3677,0	0,0	3677,0	LUC	00	3-10	3677,0	LUC	CG 241796	07/12/2016
44	Hộ ông Nguyễn Tam Thọ	001055003263	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	12	2100,0	0,0	2100,0	LUC	00	3-18	2100,0	LUC	CG 241801	07/12/2016
45	Hộ ông Nguyễn Đình Ninh đã chết (Bà Nguyễn Thị Quỳnh đại diện)	001137001812	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	85	21	1512,0	0,0	1512,0	LUC	00	41B-12	1512,0	LUC	CG 241806	07/12/2016
46	Hộ ông Nguyễn Đình Việt	001057022786	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	29	2625,0	0,0	2625,0	LUC	00	36-14	2625,0	LUC	CG 241807	07/12/2016
47	Hộ bà Nguyễn Thị Dư (Tôn)	001166023679	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	30	555,0	0,0	555,0	LUC	00	35-14	555,0	LUC	CG 241811	07/12/2016
48	Hộ bà Nguyễn Thị Gấm		Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	59	1477,0	0,0	1477,0	LUC	00	5-13	1477,0	LUC	CG 241815	16/12/2016
49	Hộ ông Phạm Đắc Ban	00107005938	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Trên	84	49	2774,0	0,0	2774,0	LUC	00	14-10	2774,0	LUC	CG 241820	07/12/2016
50	Hộ bà Nguyễn Thị Thập	001161024565	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	85	23	1447,0	0,0	1447,0	LUC	00	42-12	1447,0	LUC	CG 241823	07/12/2016
51	Hộ ông Nguyễn Đức Ánh	001048001621	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	31	1565,0	0,0	1565,0	LUC	00	37-14	1565,0	LUC	CG 241824	07/12/2016
				Quán Cự	83	54	280,0	0,0	280,0	LUC	00	5-20	280,0	LUC		
				Đồng Hai Quả - Đồng Cháy	84	88	897,0	0,0	897,0	LUC	00	2-27	897,0	LUC		
52	Hộ ông Quang Văn Cường	001063027994	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	83	4228,0	0,0	4228,0	LUC	00	18-13	4228,0	LUC	CG 241825	07/12/2016
53	Hộ ông Nguyễn Trọng Liên	001062053820	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Trên	84	38	957,0	0,0	957,0	LUC	00	19b-10	957,0	LUC	CG 241828	07/12/2016
54	Hộ ông Nguyễn Hữu Chiến (Phuong)	001066023484	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	77	3391,0	0,0	3391,0	LUC	00	19-19	3391,0	LUC	CG 241832	07/12/2016
55	Hộ bà Phạm Thị Ly	001038001247	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Thờ Cui Ngoài	83	27	1066,0	0,0	1066,0	LUC	00	33-14	1066,0	LUC	CG 241839	07/12/2016
56	Hộ ông Nguyễn Hữu Phú (Hợp)	001070005930	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	89	2304,0	0,0	2304,0	LUC	00	1-27	2304,0	LUC	CG 241843	07/12/2016
57	Hộ ông Quang Văn Khánh	001072011603	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	65	1762,0	0,0	1762,0	LUC	00	9-13	1762,0	LUC	CG 241845	07/12/2016
58	Hộ bà Nguyễn Thị Nga (Phát)	001174046811	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	84	6	1169,0	0,0	1169,0	LUC	00	5b-10	1169,0	LUC	CG 241846	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
59	Hộ bà Hoàng Thị Loan (Thanh)	001158037030	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Thờ Cui Ngoài	83	62	4997,1	0,0	4997,1	LUC	00	6-13	4997,1	LUC	CG 241848	07/12/2016
60	Hộ ông Nguyễn Hữu Tuấn (Viên)	001063005860	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	39	2960,0	0,0	2960,0	LUC	00	44-14	2960,0	LUC	CG 241849	07/12/2016
				Đông Giai	84	7	2881,0	0,0	2881,0	LUC	00	1-10	2881,0	LUC		
61	Hộ ông Nguyễn Tam Toán	001066040675	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	44	1774,0	0,0	1774,0	LUC	00	40-14	1774,0	LUC	CG 241855	07/12/2016
62	Hộ ông Nguyễn Trọng Thúy (Múi)	001056023405	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai Trên	84	48	3284,0	0,0	3284,0	LUC	00	15-10	3284,0	LUC	CG 241856	07/12/2016
63	Hộ ông Nguyễn Hữu Bê	001055022569	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	61	3434,0	0,0	3434,0	LUC	00	22-10	3434,0	LUC	CG 241857	07/12/2016
64	Hộ ông Nguyễn Thị Quý	001137001812	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	19	2812,0	0,0	2812,0	LUC	00	41A-12	2812,0	LUC	CG 241859	07/12/2016
65	Bà Trần Thị Tú đồng sử dụng với ông Nguyễn Trọng Hiền	001169025873	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	64	2285,0	0,0	2285,0	LUC	00	7-13	2285,0	LUC	CG 241861	07/12/2016
				Cui Ngoài	83	74	110,0	0,0	110,0	LUC	00	12-13	110,0	LUC		
66	Hộ ông Nguyễn Đình San	001060036687	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	5	2131,0	0,0	2131,0	LUC	00	34A-10	2131,0	LUC	CG 241862	07/12/2016
				Đông Giai	85	64	1547,0	0,0	1547,0	LUC	00	34b-11	1547,0	LUC		
67	Hộ ông Nguyễn Hữu Thịnh (Thế)	001072043248	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	10	1032,0	0,0	1032,0	LUC	00	4-18	1212,0	LUC	CG 241863	07/12/2016
68	Hộ bà Nguyễn Thị Thu	001167004069	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	63	2047,0	0,0	2047,0	LUC	00	8-13	2047,0	LUC	CG 241868	07/12/2016
				Cui Ngoài	83	71	20,0	0,0	20,0	LUC	00	11-13	20,0	LUC		
69	Hộ ông Phạm Đắc Dân (Lan)	001064034805	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	22	3375,0	0,0	3375,0	LUC	00	12-10	3375,0	LUC	CG 241869	07/12/2016
70	Hộ ông Nguyễn Văn Tốt (Cừi)	001059032330	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	60	4188,0	0,0	4188,0	LUC	00	23-10	4188,0	LUC	CG 241870	07/12/2016
71	Hộ bà Ngô Thị An (Kiêm)	001155025525	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Sục	83	34	2081,0	0,0	2081,0	LUC	00	9-18	2081,0	LUC	CG 241874	07/12/2016
				Cui Ngoài	83	78	124,0	0,0	124,0	LUC	00	15-13	124,0	LUC		
72	Hộ ông Nguyễn Đức Tuyên	001082035143	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	52	1410,0	0,0	1410,0	LUC	00	18-10	1410,0	LUC	CG 241876	07/12/2016
73	Hộ ông Nguyễn Trọng Soát (Hà)	001071030963	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	38	816,0	0,0	816,0	LUC	00	11-18	816,0	LUC	CG 241877	07/12/2016
74	Hộ ông Nguyễn Hữu Tú (Vân)	001068025634	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	24	1601,0	0,0	1601,0	LUC	00	30-14	1601,0	LUC	CG 241878	07/12/2016
75	Hộ bà Phạm Thị Tươi (Bình)	001140016662	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	84	69	2020,0	0,0	2020,0	LUC	00	24-13	2020,0	LUC	CG 241881	07/12/2016
76	Hộ ông Nguyễn Đình Pho	001075035692	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai Dưới	85	46	4067,0	0,0	4067,0	LUC	00	25-11	4067,0	LUC	CG 241882	42563
77	Hộ ông Nguyễn Đình Thành	001061015704	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đông Giai	84	51	529,0	0,0	529,0	LUC	00	17-10	529,0	LUC	CG 241884	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo						Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý						
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
78	Hộ bà Nguyễn Thị Dợm	001146001277	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục Trong	83	93	252,0	0,0	252,0	LUC	00	20-19	252,0	LUC	CG 241885	07/12/2016
				Đồng Đồng Giai Trên	84	30	1702,0	0,0	1702,0	LUC	00	7-10	1702,0	LUC		
79	Hộ ông Nguyễn Trọng Chính	001056003754	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	84	64	3648,0	0,0	3648,0	LUC	00	21-10	3648,0	LUC	CG 241886	07/12/2016
80	Hộ bà Nguyễn Thị Phương	001183033818	Thôn Tam Đa, Tam Hưng	Đồng Giai Trên	84	67	459,0	0,0	459,0	LUC	00	20-10	459,0	LUC	CG 241887	07/12/2016
81	Hộ ông Nguyễn Tam Thì (Liên)	001070052403	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	25	1234,0	0,0	1234,0	LUC	00	31-14	1234,0	LUC	CG 241890	07/12/2016
82	Hộ ông Nguyễn Tam Đô	001071011308	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Quán Cự	83	21	1612,0	0,0	1612,0	LUC	00	28-14	1612,0	LUC	CG 241892	07/12/2016
83	Hộ ông Nguyễn Tam Đoàn	001074025953	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	22	1324,0	0,0	1324,0	LUC	00	29-14	1324,0	LUC	CG 241893	07/12/2016
84	Hộ ông hạm Duy Chiến (Lương)	001068009074	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	42	3027,0	0,0	3027,0	LUC	00	39-14	3027,0	LUC	CG 241895	07/12/2016
85	Ông Lê Văn Hai - Đại diện cho hộ bà Nguyễn Thị Thơm (đã chết)	001081010765	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	84	44	1356,0	0,0	1356,0	LUC	00	28-11	1356,0	LUC	CG 241902	07/12/2016
86	Hộ ông Nguyễn Hữu Toàn	001073017078	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	84	46	1008,0	0,0	1008,0	LUC	00	29-1	1008,0	LUC	CG 241903	07/12/2016
87	Hộ ông Phạm Đức Thi	001056003199	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai Dưới	84	4	1257,0	0,0	1257,0	LUC	00	40-12	1257,0	LUC	CG 241904	07/12/2016
				Đồng Giai Dưới	85	24	2856,0	0,0	2856,0	LUC	00	43-12	2856,0	LUC		
88	Hộ ông Nguyễn Trọng Văn	001058005207	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Thờ Cui Ngoài	84	12	2683,0	0,0	2683,0	LUC	00	26-14	2683,0	LUC	CG 241905	07/12/2016
89	Hộ ông Phạm Đắc Đà	001068013019	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Thờ Cui Ngoài	83	46	3060,0	0,0	3060,0	LUC	00	38-14	3060,0	LUC	CG 241908	07/12/2016
				Đồng Đồng Giai Trên	84	29	991,0	0,0	991,0	LUC	00	8-10	991,0	LUC		
90	Hộ bà Nguyễn Thị Nền (Sừ)	001158005223	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	85	14	664,0	0,0	664,0	LUC	00	36-12	664,0	LUC	CG 241910	07/12/2016
91	Hộ ông Nguyễn Hữu Khang	001060006245	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Thờ Cui Ngoài	83	28	1080,0	0,0	1080,0	LUC	00	34-14	1080,0	LUC	CG 241911	07/12/2016
92	Hộ ông Nguyễn Tam Đô	001049010978	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Quán Cự	83	33	2744,0	0,0	2744,0	LUC	00	3-20	2744,0	LUC	CG 241914	07/12/2016
93	Hộ ông Nguyễn Thị Tín	001163038469	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	55	3934,0	0,0	3934,0	LUC	00	13-19	3934,0	LUC	CG 241918	07/12/2016
94	Bà Nguyễn Thị Hường	001173001619	P28a G1b, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	Đồng Giai Trên	84	53	2266,0	0,0	2266,0	LUC	00	19a-10	2266,0	LUC	CG 241926	07/12/2016
95	Hộ ông Hoàng Văn Hóa (Ninh)	001061033651	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	85	16	2261,0	0,0	2261,0	LUC	00	38-12	2261,0	LUC	CG 241927	07/12/2016
96	Hộ ông Nguyễn Trọng Tạ	001064013295	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Sục	83	56	1376,0	0,0	1376,0	LUC	00	12-19	1376,0	LUC	CG 241929	07/12/2016
				Đồng Sục	83	90	2148,0	0,0	2148,0	LUC	00	24-19	2148,0	LUC		
97	Hộ ông Nguyễn Đình Lợi (Vượng)	001058032349	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Giai	84	50	1000,0	0,0	1000,0	LUC	00	16-10	1000,0	LUC	CG 241931	07/12/2016
98	Ông Phạm Duy Nghĩa - Đại diện cho hộ bà Phạm Thị Nhung	001067008175	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Quán Cự	83	69	629,0	0,0	629,0	LUC	00	7-20	629,0	LUC	CG 241939	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
99	Hộ ông Phạm Đắc Hào	001072007100	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	43	1465,0	0,0	1465,0	LUC	00	5-10	1465,0	LUC	CH 042712	07/12/2016
100	Hộ bà Hoàng Thị Xuân	001165009200	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới 2	83	97	360,0	0,0	360,0	LUC	00	23-21	360,0	LUC	CH 042713	16/12/2016
101	Hộ ông Nguyễn Hữu Tuấn	001062006018	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	47	2235,0	0,0	2235,0	LUC	00	2-10	2235,0	LUC	CH 107002	07/12/2016
102	Hộ ông Phạm Đắc Đông	001063017452	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	74	275,0	0,0	275,0	LUC	00	47-2	275,0	LUC	CH 107003	07/12/2016
103	Hộ ông Nguyễn Đình Sáng	001063007192	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	48	2780,0	0,0	2780,0	LUC	00	1-10	2780,0	LUC	CH 107007	07/12/2016
104	Hộ ông Trương Văn Lý	001063005862	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	166	2078,0	0,0	2078,0	LUC	00	30-3	2078,0	LUC	CH 107012	07/12/2016
				Năm Cây	85	29	1862,0	0,0	1862,0	LUC	00	9-8	1862,0	LUC		
105	Hộ ông Nguyễn Mạnh Thi	001070018458	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	10	1434,0	0,0	1434,0	LUC	00	2-8	1434,0	LUC	CH 107013	07/12/2016
106	Hộ ông Trương Văn Phú	001066004121	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	80	2140,9	0,0	2140,9	LUC	00	1-2	2140,9	LUC	CH 107015	07/12/2016
107	Hộ bà Nghiêm Thị Vinh	001089008463	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	90	2740,0	0,0	2740,0	LUC	00	1-9	2740,0	LUC	CH 107016	07/12/2016
108	Hộ ông Nguyễn Trọng Cường	001074006415	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	110	600,0	0,0	600,0	LUC	00	52-2	600,0	LUC	CH 107017	07/12/2016
				Đồng Bội	85	115	620,0	0,0	620,0	LUC	00	40-2	620,0	LUC		
				Đồng Bội	85	117	360,0	0,0	360,0	LUC	00	39-2	360,0	LUC		
				Đồng Bội	85	126	360,0	0,0	360,0	LUC	00	57-2	360,0	LUC		
109	Bà Phạm Thị Sêu - Đại diện cho hộ ông Nguyễn Hữu Triển (Đã chết)	001151018577	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	94	1299,0	0,0	1299,0	LUC	00	2-3	1299,0	LUC	CH 107018	07/12/2016
				Giọt Trên	83	174	2365,0	0,0	2365,0	LUC	00	35-3	2365,0	LUC		
				Đồng Bội	85	80	370,0	0,0	370,0	LUC	00	46-2	370,0	LUC		
				Đồng Bội	85	85	2062,0	0,0	2062,0	LUC	00	34-2	2062,0	LUC		
110	Hộ bà Phạm Thị Mệt	001137007405	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	142	290,0	0,0	290,0	LUC	00	9-2	290,0	LUC	CH 107019	07/12/2016
111	Hộ ông Trương Văn Dục	001071018104	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	169	678,0	0,0	678,0	LUC	00	33-3	678,0	LUC	CH 107020	07/12/2016
				Đồng Bội	85	99	815,0	0,0	815,0	LUC	00	37-2	815,0	LUC		
112	Hộ bà Phạm Thị Mai	001142000744	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	150	2600,0	0,0	2600,0	LUC	00	28-3	2600,0	LUC	CH 107021	07/12/2016
113	Hộ ông Nguyễn Đình Chững	001066020601	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	88	1191,0	0,0	1191,0	LUC	00	35-2	1191,0	LUC	CH 107023	07/12/2016
114	Hộ bà Nguyễn Thị Thắm	001156009964	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	94	963,0	0,0	963,0	LUC	00	36-2	963,0	LUC	CH 107025	07/12/2016
115	Hộ ông Nguyễn Hữu Khánh	001061004816	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	162	4482,0	0,0	4482,0	LUC	00	21-3	4482,0	LUC	CH 107026	07/12/2016
116	Hộ ông Nguyễn Hữu Đồng	001069005304	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	182	3587,0	0,0	3587,0	LUC	00	37-3	3587,0	LUC	CH 107027	7/12/2016
117	Hộ ông Nguyễn Hữu Hoán	001061015070	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	82	3300,0	0,0	3300,0	LUC	00	47-8	3300,0	LUC	CH 107029	07/12/2016
118	Hộ ông Nguyễn Hữu Hoan	001064006161	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	50	2626,0	0,0	2626,0	LUC	00	51-8	2626,0	LUC	CH 107030	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
119	Bà Phạm Thị Nguyệt - Đại diện cho hộ ông Nguyễn Văn Thiệt (đã chết)	001178020326	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	18	5118,0	0,0	5118,0	LUC	00	53-8	5118,0	LUC	CH 107031	07/12/2016
120	Hộ ông Nguyễn Hữu Chiến	001060013434	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	8	1950,0	0,0	1950,0	LUC	00	4-8	1950,0	LUC	CH 107032	07/12/2016
121	Hộ ông Nguyễn Hữu Sinh 1970	001070016365	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	161	2545,0	0,0	2545,0	LUC	00	63-2	2545,0	LUC	CH 107033	07/12/2016
122	Hộ ông Nguyễn Hữu Liên	001060006248	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	125	6281,0	0,0	6281,0	LUC	00	44-8	6281,0	LUC	CH 107034	07/12/2016
123	Hộ ông Nguyễn Văn Thuận	001059035361	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	41	4185,0	0,0	4185,0	LUC	00	52-8	4185,0	LUC	CH 107035	07/12/2016
124	Hộ ông Nguyễn Hữu Phi	001059034284	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	118	3394,7	0,0	3394,7	LUC	00	43-8	3394,7	LUC	CH 107036	07/12/2016
125	Bà Nguyễn Thị Năm - Đại diện cho hộ ông Nguyễn Hữu Khâm đã chết	001155004918	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	93	6057,0	0,0	6057,0	LUC	00	46-8	6057,0	LUC	CH 107037	07/12/2016
126	Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Đại diện cho ông Nguyễn Hữu Bông đã chết	001083013427	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Mả To	80	8	5670,0	0,0	5670,0	LUC	00	15-7	5670,0	LUC	CH 107038	07/12/2016
127	Bà Phạm Thị Tiên - Đại diện cho hộ ông Nguyễn Hữu Duyên đã chết	001158008754	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	147	360,0	0,0	360,0	LUC	00	31-9	360,0	LUC	CH 107039	07/12/2016
				Đồng Bội	85	130	3560,0	0,0	3560,0	LUC	00	59-2	3560,0	LUC		
128	Hộ ông Nguyễn Văn An	001070045971	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	167	786,0	0,0	786,0	LUC	00	31-3	786,0	LUC	CH 107040	07/12/2016
				Năm Cây	85	19	950,0	0,0	950,0	LUC	00	7-8	950,0	LUC		
129	Hộ ông Nguyễn Hữu Chinh	001063031579	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	168	1670,0	0,0	1670,0	LUC	00	32-3	1670,0	LUC	CH 107042	07/12/2016
				Năm Cây	85	111	1937,0	0,0	1937,0	LUC	00	38-2	1937,0	LUC		
130	Hộ ông Nguyễn Văn Nhan	001066046790	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	44	2355,0	0,0	2355,0	LUC	00	4-10	2355,0	LUC	CH 107043	07/12/2016
131	Hộ ông Trương Văn Yên	001074014252	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	90	790,0	0,0	790,0	LUC	00	49-2	790,0	LUC	CH 107044	07/12/2016
132	Hộ ông Trương Văn Ngòi	001058021714	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	116	2720,0	0,0	2720,0	LUC	00	10-3	2720,0	LUC	CH 107047	07/12/2016
				Đồng Bội	84	101	840,1	0,0	840,1	LUC	00	2-2	840,1	LUC		
133	Hộ ông Trương Văn Doanh	00106301985	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	124	1626,0	0,0	1626,0	LUC	00	11-3	1626,0	LUC	CH 107052	07/12/2016
134	Hộ ông Trương Văn Như	001073008079	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	30	656,0	0,0	656,0	LUC	00	8-8	656,0	LUC	CH 107053	07/12/2016
135	Hộ ông Nguyễn Văn Dẫn	001063019737	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	76	1876,0	0,0	1876,0	LUC	00	48-2	1876,0	LUC	CH 107054	07/12/2016
136	Hộ ông Phạm Đắc Trung	001091025135	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	27	1342,0	0,0	1342,0	LUC	00	11-8	1342,0	LUC	CH 107055	07/12/2016
137	Ông Nguyễn Hữu Sinh - Đại diện cho bà Nguyễn Thị Nấp đã chết	001070016365	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	9	777,0	0,0	777,0	LUC	00	3-8	777,0	LUC	CH 107057	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo						Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý						
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
138	Hộ bà Vũ Thị Tường	001159005045	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	7	1313,0	0,0	1313,0	LUC	00	5-8	1313,0	LUC	CH 107058	07/12/2016
139	Hộ ông Nguyễn Văn Đông	001060031751	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	101	1965,0	0,0	1965,0	LUC	00	51-2	1965,0	LUC	CH 107059	07/12/2016
140	Hộ ông Nguyễn Văn Đạo	001058021700	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	92	1235,0	0,0	1235,0	LUC	00	50-2	1235,0	LUC	CH 107060	07/12/2016
141	Hộ bà Nguyễn Thị Hiền (Lân)	001176033617	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	157	784,0	0,0	784,0	LUC	00	24-3	784,0	LUC	CH 107061	07/12/2016
				Đồng Bội	85	95	915,0	0,0	915,0	LUC	00	42-2	915,0	LUC		
142	Hộ ông Nguyễn Đình Thi	001053000549	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	156	1859,0	0,0	1859,0	LUC	00	25-3	1859,0	LUC	CH 107062	07/12/2016
				Đồng Bội	85	108	2170,0	0,0	2170,0	LUC	00	41-2	2170,0	LUC		
143	Hộ ông Phạm Đắc Tạng	001072006339	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	160	800,0	0,0	800,0	LUC	00	22-3	800,0	LUC	CH 107063	07/12/2016
				Đồng Bội	85	91	900,0	0,0	900,0	LUC	00	43-2	900,0	LUC		
144	Hộ bà Nguyễn Thị Thao	001146013098	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	158	582,0	0,0	582,0	LUC	00	23-3	582,0	LUC	CH 107064	07/12/2016
				Đồng Bội	85	89	605,0	0,0	605,0	LUC	00	44-2	605,0	LUC		
145	Hộ ông Nguyễn Trọng Chương	001066049024	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	6	1388,0	0,0	1388,0	LUC	00	6-8	1388,0	LUC	CH 107069	07/12/2016
				Đồng Bội	85	127	360,0	0,0	360,0	LUC	00	55-2	360,0	LUC		
146	Hộ ông Nguyễn Hữu Thuận	001073011551	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	71	974,0	0,0	974,0	LUC	00	48-8	974,0	LUC	CH 107070	07/12/2016
147	Hộ ông Phạm Đình Minh	001062010000	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	122	716,0	0,0	716,0	LUC	00	8-3	716,0	LUC	CH 107071	07/12/2016
				Giọt Trên	83	126	293,0	0,0	293,0	LUC	00	12-3	293,0	LUC		
				Năm Cây	85	78	1571,0	0,0	1571,0	LUC	00	34-8	1571,0	LUC		
148	Hộ ông Nguyễn Tam Nghĩa	001063043209	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	125	1360,0	0,0	1360,0	LUC	00	7-3	1360,0	LUC	CH 107072	07/12/2016
				Năm Cây	85	77	1553,0	0,0	1553,0	LUC	00	33-8	1553,0	LUC		
149	Hộ ông Phạm Đắc Dân	001058032884	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	139	1395,0	0,0	1395,0	LUC	00	19-3	1395,0	LUC	CH 107073	07/12/2016
				Đồng Giai	85	75	2233,0	0,0	2233,0	LUC	00	32-8	2233,0	LUC		
150	Hộ ông Phạm Đắc Vượt	001063015132	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	79	1476,0	0,0	1476,0	LUC	00	17-2	1476,0	LUC	CH 107074	07/12/2016
				Đồng Bội	84	132	1616,0	0,0	1616,0	LUC	00	12-2	1616,0	LUC		
151	Hộ ông Nguyễn Trọng Bình	001064026216	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	138	1496,0	0,0	1496,0	LUC	00	11-2	1496,0	LUC	CH 107075	07/12/2016
152	Hộ ông Phạm Đình Tiến	001064010918	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	114	819,0	0,0	819,0	LUC	00	23-2	819,0	LUC	CH 107076	07/12/2016
153	Hộ ông Phạm Đắc Ngoan	001060044040	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	137	2261,0	0,0	2261,0	LUC	00	17-16	2261,0	LUC	CH 107077	07/12/2016
154	Hộ ông Nguyễn Văn Chiến	001065039959	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	146	2183,0	0,0	2183,0	LUC	00	20-3	2183,0	LUC	CH 107081	07/12/2016
				Đồng Bội	84	87	1493,0	0,0	1493,0	LUC	00	30-2	1493,0	LUC		
155	Hộ ông Phạm Đức Thao	001065024837	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	127	1776,0	0,0	1776,0	LUC	00	6-3	1776,0	LUC	CH 107082	07/12/2016
				Đồng Bội	84	82	1037,0	0,0	1037,0	LUC	00	31-2	1037,0	LUC		
156	Hộ bà Nguyễn Thị Lương	001170028040	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	149	1547,0	0,0	1547,0	LUC	00	8-2	1547,0	LUC	CH 107084	07/12/2016
157	Hộ ông Nguyễn Tam Xã	001060006422	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	83	1775,0	0,0	1775,0	LUC	00	16-2	1775,0	LUC	CH 107085	07/12/2016
				Đồng Bội	84	109	1753,0	0,0	1753,0	LUC	00	13-2	1753,0	LUC		
				Năm Cây	85	100	394,0	0,0	394,0	LUC	00	39-8	394,0	LUC		
158	Hộ ông Phạm Đắc Càng	001069009302	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	96	925,0	0,0	925,0	LUC	00	15-2	925,0	LUC	CH 107086	07/12/2016
				Đồng Bội	84	110	1122,0	0,0	1122,0	LUC	00	4-2	1122,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
159	Bà Phạm Thị Tiên - Đại diện cho hộ ông Phạm Đình Đạo đã chết	001156003791	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	85	2221,0	0,0	2221,0	LUC	00	20-2	2221,0	LUC	CH 107087	07/12/2016
				Đồng Bội	84	103	1472,0	0,0	1472,0	LUC	00	14-2	1472,0	LUC		
				Đồng Bội	84	106	1356,0	0,0	1356,0	LUC	00	3-2	1356,0	LUC		
160	Hộ ông Phạm Đắc Thía	001068012053	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	78	1665,0	0,0	1665,0	LUC	00	19-2	1665,0	LUC	CH 107088	07/12/2016
				Đồng Bội	84	140	2102,0	0,0	2102,0	LUC	00	7-2	2102,0	LUC		
161	Hộ bà Nguyễn Thị Văng	001150004407	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	74	144,0	0,0	144,0	LUC	00	18-2	144,0	LUC	CH 107089	07/12/2016
				Đồng Bội	84	75	294,0	0,0	294,0	LUC	00	33-2	294,0	LUC		
				Đồng Bội	84	134	760,0	0,0	760,0	LUC	00	6-2	760,0	LUC		
162	Hộ ông Phạm Đức Thê	001061014425	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	28	5001,0	0,0	5001,0	LUC	00	14-10	5001,0	LUC	CH 107091	07/12/2016
163	Hộ ông Phạm Đắc Sinh	001061029015	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	42	4254,0	0,0	4254,0	LUC	00	6-10	4254,0	LUC	CH 107092	07/12/2016
164	Ông Phạm Đình Công - Đại diện cho hộ bà Nguyễn Thị Xém đã chết	001072013605	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	103	555,0	0,0	555,0	LUC	00	38a-8	555,0	LUC	CH 107093	07/12/2016
165	Hộ ông Phạm Thị Hoan	001159002296	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	102	943,0	0,0	943,0	LUC	00	38b-8	943,0	LUC	CH 107094	07/12/2016
166	Hộ ông Phạm Đắc Lập	001070011328	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	81	884,0	0,0	884,0	LUC	00	32-2	884,0	LUC	CH 107095	7/12/2016
				Đồng Bội	84	113	1164,0	0,0	1164,0	LUC	00	5-2	1164,0	LUC		
167	Hộ ông Phạm Đắc Trường	001076008182	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	104	1248,0	0,0	1248,0	LUC	00	37-8	1248,0	LUC	CH 107096	7/12/2016
168	Hộ ông Phạm Đắc Hình	001056021416	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	105	1627,0	0,0	1627,0	LUC	00	36-8	1627,0	LUC	CH 107097	7/12/2016
169	Hộ ông Phạm Đức Học	001047001551	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	133	2430,0	0,0	2430,0	LUC	00	26-2	2430,0	LUC	CH 107099	07/12/2016
170	Hộ ông Nguyễn Văn Dung	001058014659	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	108	2164,0	0,0	2164,0	LUC	00	27-2	2164,0	LUC	CH 107100	07/12/2016
171	Hộ ông Quang Văn Miêu	001076067759	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	104	1986,0	0,0	1986,0	LUC	00	21-2	1986,0	LUC	CH 107102	07/12/2016
172	Hộ ông Quang Văn Tuấn	001059013053	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	111	1000,0	0,0	1000,0	LUC	00	22-2	1000,0	LUC	CH 107103	07/12/2016
173	Hộ ông Phạm Đình Công	001072013605	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	102	1013,0	0,0	1013,0	LUC	00	28-2	1013,0	LUC	CH 107104	07/12/2016
174	Hộ ông Nguyễn Tuấn Anh	001070005161	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	135	495,0	0,0	495,0	LUC	00	16-3	495,0	LUC	CH 107105	07/12/2016
				Năm Cây	85	86	1719,0	0,0	1719,0	LUC	00	29-8	1719,0	LUC		
175	Hộ ông Nguyễn Văn Hòe	001076059732	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	134	1038,0	0,0	1038,0	LUC	00	15-3	1038,0	LUC	CH 107106	07/12/2016
				Năm Cây	85	96	1068,0	0,0	1068,0	LUC	00	42-8	1068,0	LUC		
176	Hộ ông Nguyễn Hữu Soát	001066007870	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	131	1007,0	0,0	1007,0	LUC	00	14-3	1007,0	LUC	CH 107107	07/12/2016
				Năm Cây	85	97	1596,3	0,0	1596,3	LUC	00	41-8	1596,3	LUC		
177	Hộ ông Nguyễn Tam Kính	001051004761	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	121	529,0	0,0	529,0	LUC	00	9-3	529,0	LUC	CH 107108	07/12/2016
				Giọt Trên	83	137	875,0	0,0	875,0	LUC	00	13-3	875,0	LUC		
				Năm Cây	85	98	2635,0	0,0	2635,0	LUC	00	40-8	2635,0	LUC		
178	Hộ ông Trần Văn Cù	001054026337	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	136	1692,0	0,0	1692,0	LUC	00	17-3	1692,0	LUC	CH 107109	07/12/2016
				Năm Cây	85	83	2665,0	0,0	2665,0	LUC	00	30-8	2665,0	LUC		
179	Hộ ông Phạm Đình Yên	,001054014272	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	23	4692,0	0,0	4692,0	LUC	00	16-10	4692,0	LUC	CH 107110	07/12/2016
180	Hộ ông Phạm Đắc Thiết	001064005360	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	170	5650,0	0,0	5650,0	LUC	00	37-9	5650,0	LUC	CH 107112	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
181	Bà Nguyễn Thị Tinh đã chết - Trương Thị Chiêu đại diện	001165008173	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	159	2606,0	0,0	2606,0	LUC	00	62a-2	2606,0	LUC	CH 107113	07/12/2016
182	Hộ ông Trương Xuân Tuấn	001069005294	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	158	1895,0	0,0	1895,0	LUC	00	61-2	1895,0	LUC	CH 107114	07/12/2016
183	Hộ ông Nguyễn Thị Hòa	001163025389	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	132	3677,0	0,0	3677,0	LUC	00	60-2	3677,0	LUC	CH 107115	07/12/2016
184	Hộ ông Phạm Đình Chiến	001068018201	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	65	2626,0	0,0	2626,0	LUC	00	50-8	2626,0	LUC	CH 107116	07/12/2016
185	Hộ ông Quang Văn Dũng	001074022636	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	4	1916,0	0,0	1916,0	LUC	00	54-8	1916,0	LUC	CH 107117	07/12/2016
186	Hộ ông Phạm Đắc Sao	001057016958	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	104	4200,0	0,0	4200,0	LUC	00	5-3	4200,0	LUC	CH 107119	07/12/2016
187	Bà Nguyễn Thị Sang đã chết - ông Nguyễn Tam Sáng là đại diện	001058028121	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	94	362,0	0,0	362,0	LUC	00	5-9	362,0	LUC	CH 107120	07/12/2016
				Năm Cây	85	43	514,0	0,0	514,0	LUC	00	14-8	514,0	LUC		
188	Hộ ông Nguyễn Văn Tấn (Tiền)	001068009112	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Mả To	80	30	1100,0	0,0	1100,0	LUC	00	5-7	1100,0	LUC	CH 107121	07/12/2016
				Hai Quả	84	129	847,0	0,0	847,0	LUC	00	22-9	847,0	LUC		
189	Hộ ông Nguyễn Văn Luật	001060013994	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	91	3925,0	0,0	3925,0	LUC	00	1-3	3925,0	LUC	CH 107122	07/12/2016
190	Hộ ông Nguyễn Tam Quốc	001059022690	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	97	1565,0	0,0	1565,0	LUC	00	7-9	1565,0	LUC	CH 107123	07/12/2016
				Năm Cây	85	44	957,0	0,0	957,0	LUC	00	13-8	957,0	LUC		
191	Hộ ông Nguyễn Đình Lập	001072029413	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	40	914,0	0,0	914,0	LUC	00	20-8	914,0	LUC	CH 107124	07/12/2016
				Hai Quả	84	117	864,0	0,0	864,0	LUC	00	12-9	864,0	LUC		
192	Bà Nguyễn Thị Tuyết - Đại diện cho hộ bà Nguyễn Thị Khiển đã chết	001164005076	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	126	578,0	0,0	578,0	LUC	00	20-9	578,0	LUC	CH 107125	07/12/2016
				Năm Cây	85	61	775,0	0,0	775,0	LUC	00	27-8	775,0	LUC		
193	Hộ bà Phạm Thị Lan	001174010346	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	146	452,0	0,0	452,0	LUC	00	32-9	452,0	LUC	CH 107126	07/12/2016
				Năm Cây	85	60	523,0	0,0	523,0	LUC	00	26-8	523,0	LUC		
194	Hộ ông Nguyễn Hữu Dương	001063019563	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Sứ Thành	84	144	802,0	0,0	802,0	LUC	00	34-9	802,0	LUC	CH 107127	07/12/2016
195	Hộ ông Nguyễn Hữu Học	001089047275	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	154	1762,0	0,0	1762,0	LUC	00	26-9	1762,0	LUC	CH 107128	07/12/2016
196	Hộ ông Nguyễn Hữu Tôn	001058033284	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	120	1141,0	0,0	1141,0	LUC	00	15-9	1141,0	LUC	CH 107129	07/12/2016
				Năm Cây	85	53	1500,0	0,0	1500,0	LUC	00	21-8	1500,0	LUC		
197	Hộ ông Nguyễn Tam Thiện	001082030194	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	128	1076,0	0,0	1076,0	LUC	00	21a-9	1076,0	LUC	CH 107130	07/12/2016
				Năm Cây	85	63	2427,0	0,0	2427,0	LUC	00	28-8	2427,0	LUC		
198	Hộ bà Nguyễn Thị Nguyệt	001164017667	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	125	946,0	0,0	946,0	LUC	00	19-9	946,0	LUC	CH 107131	07/12/2016
				Năm Cây	85	57	1285,0	0,0	1285,0	LUC	00	24-8	1285,0	LUC		
199	Hộ bà Nguyễn Thị Bung	001156033605	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	124	644,0	0,0	644,0	LUC	00	18-9	644,0	LUC	CH 107133	07/12/2016
				Năm Cây	85	58	923,0	0,0	923,0	LUC	00	25-8	923,0	LUC		
200	Hộ bà Nguyễn Văn Phi	001067013618	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	121	972,0	0,0	972,0	LUC	00	16-9	972,0	LUC	CH 107134	07/12/2016
				Năm Cây	85	54	1279,0	0,0	1279,0	LUC	00	22-8	1279,0	LUC		
201	Ông Nguyễn Đình Công - Đại diện cho hộ bà Phạm Thị Vít đã chết	001067013618	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	119	1410,0	0,0	1410,0	LUC	00	14-9	1410,0	LUC	CH 107135	07/12/2016
				Năm Cây	85	39	1485,0	0,0	1485,0	LUC	00	19-8	1485,0	LUC		
202	Hộ ông Nguyễn Đình Chiến	001056006443	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	118	1715,0	0,0	1715,0	LUC	00	13-9	1715,0	LUC	CH 107136	07/12/2016
				Năm Cây	85	38	1372,0	0,0	1372,0	LUC	00	18-8	1372,0	LUC		
203	Hộ ông Nguyễn Trọng Chánh	110140500	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	39	1596,0	0,0	1596,0	LUC	00	13-10	1596,0	LUC	CH 107142	07/12/2016
204	Hộ bà Nguyễn Thị Ruộng	001140015578	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	162	1113,0	0,0	1113,0	LUC	00	36-9	1113,0	LUC	CH 107146	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
205	Hộ ông Nguyễn Tam Duẩn	001064001389	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	91	2152,0	0,0	2152,0	LUC	00	2-9	2152,0	LUC	CH 107147	07/12/2016
206	Hộ ông Nguyễn Hữu Minh	001067031957	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	31	2104,0	0,0	2104,0	LUC	00	7-10	2104,0	LUC	CH 107150	07/12/2016
207	Hộ ông Nguyễn Đình Đào	001055027436	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	34	2532,0	0,0	2532,0	LUC	00	8-10	2532,0	LUC	CH 107151	07/12/2016
208	Hộ bà Lê Thị Hòa	001158005222	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	37	1659,0	0,0	1659,0	LUC	00	11-10	1659,0	LUC	CH 107153	07/12/2016
209	Hộ bà Nguyễn Thị Xuân	001162029677	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	38	2312,0	0,0	2312,0	LUC	00	12-10	2312,0	LUC	CH 107155	07/12/2016
210	Hộ bà Hoàng Thị Sứ	001155003686	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	115	617,0	0,0	617,0	LUC	00	10-9	617,0	LUC	CH 107158	07/12/2016
				Năm Cây	85	33	792,0	0,0	792,0	LUC	00	12-17	792,0	LUC		
				Đường Rèn	80	76	1091,0	0,0	1091,0	LUC	00	12-17	1091,0	LUC	CH 107536	16/12/2016
211	Hộ ông Quang Văn Tồn	001061022438	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	98	394,0	0,0	394,0	LUC	00	8-9	394,0	LUC	CH 107159	07/12/2016
				Đồng Cháy	84	131	1656,0	0,0	1656,0	LUC	00	9-9	1656,0	LUC		
				Năm Cây	85	42	2471,0	0,0	2471,0	LUC	00	15-8	2471,0	LUC		
212	Hộ ông Phạm Đình Liên	001053020659	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	95	1261,0	0,0	1261,0	LUC	00	6-9	1261,0	LUC	CH 107160	07/12/2016
213	Hộ ông Nguyễn Tam Sáng	001058028121	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	93	880,0	0,0	880,0	LUC	00	4-9	880,0	LUC	CH 107163	07/12/2016
214	Hộ ông Nguyễn Văn Tấn	001064033600	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	129	2850,0	0,0	2850,0	LUC	00	58-2	2850,0	LUC	CH 107164	07/12/2016
215	Hộ bà Trần Thị Phượng	001153012150	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	150	1310,0	0,0	1310,0	LUC	00	29-9	1310,0	LUC	CH 107165	07/12/2016
216	Hộ ông Nguyễn Hữu Hóa	001069037286	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	152	1081,0	0,0	1081,0	LUC	00	28a-9	1081,0	LUC	CH 107166	07/12/2016
217	Hộ bà Phan Thị Núp	001139011970	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	153	949,0	0,0	949,0	LUC	00	27-9	949,0	LUC	CH 107167	07/12/2016
218	Hộ ông Nguyễn Văn Long	001065021866	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Mả To	80	32	2041,0	0,0	2041,0	LUC	00	6-7	2041,0	LUC	CH 107168	07/12/2016
				Hai Quả	84	130	153,0	0,0	153,0	LUC	00	23-9	153,0	LUC		
				Hai Quả	84	156	1186,0	0,0	1186,0	LUC	00	24-9	1186,0	LUC		
219	Hộ bà Nguyễn Thị Hân	001155003686	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	155	802,0	0,0	802,0	LUC	00	25-9	802,0	LUC	CH 107169	07/12/2016
220	Ông Nguyễn Hữu Hoan - Đại diện cho bà Nguyễn Thị Ngần đã chết	001064006161	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	148	1080,0	0,0	1080,0	LUC	00	30-9	1080,0	LUC	CH 107170	07/12/2016
221	Hộ ông Nguyễn Tam Chín	001073011778	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	116	711,0	0,0	711,0	LUC	00	11-9	711,0	LUC	CH 107171	07/12/2016
				Năm Cây	85	34	859,0	0,0	859,0	LUC	00	17-8	859,0	LUC		
222	Hộ bà Trần Thị Khéo	001140013929	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Cháy	84	167	5221,0	0,0	5221,0	LUC	00	35-9	5221,0	LUC	CH 107172	07/12/2016
223	Bà Nguyễn Thị Vĩnh - Đại diện cho hộ ông Hoàng Văn Đạo đã chết	001147013781	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	101	3583,0	0,0	3583,0	LUC	00	4-3	3583,0	LUC	CH 107173	07/12/2016
				Đường Rèn	80	51	544,0	0,0	544,0	LUC	00	37-17	544,0	LUC	CH 107471	16/12/2016
224	Hộ bà Nguyễn Thị Dện	001135006983	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	95	2867,0	0,0	2867,0	LUC	00	3-3	2867,0	LUC	CH 107174	07/12/2016
225	Bà Nguyễn Thị Tim - Đại diện cho hộ ông Phạm Đắc Sê chết	001150018178	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	138	989,0	0,0	989,0	LUC	00	18-3	989,0	LUC	CH 107175	07/12/2016
				Năm Cây	85	81	1635,0	0,0	1635,0	LUC	00	31-8	1635,0	LUC		
226	Hộ ông Nguyễn Hữu Chiến	001069011928	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	28	1105,0	0,0	1105,0	LUC	00	10-8	1105,0	LUC	CH 107177	07/12/2016
227	Hộ ông Nguyễn Hữu Thân	001083050131	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Mả To	80	46	3113,0	0,0	3113,0	LUC	00	4-7	3113,0	LUC	CH 107178	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
228	Hộ bà Nguyễn Thị Lụa	001153024341	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Trên	83	178	1607,0	0,0	1607,0	LUC	00	36-3	1607,0	LUC	CH 107179	07/12/2016
				Đồng Bội	85	84	1480,0	0,0	1480,0	LUC	00	45-2	1480,0	LUC		
229	Hộ ông Nguyễn Hữu Tú	001068023634	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	92	1160,0	0,0	1160,0	LUC	00	3-9	1160,0	LUC	CH 107182	07/12/2016
230	Hộ ông Nguyễn Trọng Toàn	001072038252	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	100	674,0	0,0	674,0	LUC	00	29-2	674,0	LUC	CH 107184	07/12/2016
231	Hộ ông Nguyễn Hữu Thủ	001072012677	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Mã To	80	25	888,0	0,0	888,0	LUC	00	14-7	888,0	LUC	CH 107185	07/12/2016
232	Bà Phạm Thị Lan - Đại diện cho hộ ông Phạm Đình Khánh đã chết	001174010346	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	109	4237,0	0,0	4237,0	LUC	00	45-8	4237,0	LUC	CH 107188	07/12/2016
				Hai Quả	84	145	2090,0	0,0	2090,0	LUC	00	33-9	2090,0	LUC		
233	Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết	001163009584	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	6	1359,0	0,0	1359,0	LUC	00	19-11	1359,0	LUC	CH 107189	07/12/2016
				Đồng Bè	80	14	1100,0	0,0	1100,0	LUC	00	28-11	1100,0	LUC		
				Đồng Bè	80	20	1392,0	0,0	1392,0	LUC	00	24-11	1392,0	LUC		
234	Hộ ông Nguyễn Tam Ninh	00106008629	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	5	4680,0	0,0	4680,0	LUC	00	40-11	4680,0	LUC	CH 107190	07/12/2016
235	Hộ bà Nguyễn Thị Thất 1952	001152013064	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	16	1284,0	0,0	1284,0	LUC	00	26-11	1284,0	LUC	CH 107191	07/12/2016
				Đồng Bè	80	18	689,0	0,0	689,0	LUC	00	25-11	689,0	LUC		
236	Hộ ông Nguyễn Tam Ngoãn	001064017181	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	11	1418,0	0,0	1418,0	LUC	00	20-11	1418,0	LUC	CH 107192	07/12/2016
				Đồng Bè	80	13	1070,0	0,0	1070,0	LUC	00	29-11	1070,0	LUC		
237	Hộ ông Bùi Văn Tấn	001052001782	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	12	1439,0	0,0	1439,0	LUC	00	30-11	1439,0	LUC	CH 107193	07/12/2016
				Đồng Bè	80	17	1380,0	0,0	1380,0	LUC	00	21-11	1380,0	LUC		
238	Hộ bà Hoàng Thị Xuyên	001161003772	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	3	1375,0	0,0	1375,0	LUC	00	18-11	1375,0	LUC	CH 107195	07/12/2016
				Đồng Bè	80	15	1362,0	0,0	1362,0	LUC	00	27-11	1362,0	LUC		
239	Hộ ông Nguyễn Tam Trện	112058981	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	2	1120,0	0,0	1120,0	LUC	00	39-11	1120,0	LUC	CH 107196	07/12/2016
				Đồng Bè	80	9	556,0	0,0	556,0	LUC	00	32-11	556,0	LUC		
				Đồng Bè	80	24	1070,0	0,0	1070,0	LUC	00	23-11	1070,0	LUC		
240	Hộ ông Nguyễn Tam Lưu	001058012261	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bè	80	1	1009,0	0,0	1009,0	LUC	00	38-22	1009,0	LUC	CH 107197	07/12/2016
				Đồng Bè	80	10	667,0	0,0	667,0	LUC	00	31-11	667,0	LUC		
				Đồng Bè	80	21	804,0	0,0	804,0	LUC	00	22-11	804,0	LUC		
241	Hộ ông Nguyễn Tam Chấn	001059008126	Khu Phố 2, Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Bình Phước	Đồng Bè	80	26	430,0	0,0	430,0	LUC	00	15-10	430,0	LUC	CH 107199	07/12/2016
				Đồng Bè	80	36	866,0	0,0	866,0	LUC	00	10-10	866,0	LUC		
				Đồng Cháy	84	127	1032,0	0,0	1032,0	LUC	00	21b-9	1032,0	LUC		
242	Hộ ông Nguyễn Hữu Sinh	001066038594	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Hai Quả	84	151	1081,0	0,0	1081,0	LUC	00	28b-9	1081,0	LUC	CH 107201	07/12/2016
243	Hộ ông Hoàng Văn Hà	001071008849	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Mẹ	84	41	1080,0	0,0	1080,0	LUC	00	9-20	1080,0	LUC	CH 107419	07/12/2016
244	Hộ ông Nguyễn Văn Nhạn 1969	001069041364	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	132	1800,0	0,0	1800,0	LUC	00	16-21	1800,0	LUC	CH 107432	16/12/2016
245	Hộ bà Phạm Thị Tường	001145015698	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	78	1084,0	0,0	1084,0	LUC	00	38-17	1084,0	LUC	CH 107436	16/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo						Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý						
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
246	Hộ ông Phạm Đức Duân	001062047594	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	99	1350,0	0,0	1350,0	LUC	00	16-18	1350,0	LUC	CH 107439	16/12/2016
247	Hộ ông Nguyễn Văn Công	001071054237	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	164	2793,0	0,0	2793,0	LUC	00	8-21	2793,0	LUC	CH 107452	16/12/2016
248	Hộ ông Nguyễn Văn Lập	001075018218	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	184	2280,0	0,0	2280,0	LUC	00	9-21	2280,0	LUC	CH 107453	16/12/2017
249	Hộ ông Nguyễn Văn Đô	001077009520	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	183	966,0	0,0	966,0	LUC	00	10-21	966,0	LUC	CH 107454	16/12/2016
250	Bà Nguyễn Thị Đức - Đại diện cho hộ ông Hoàng Văn Hấp đã chết	001148007197	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới 1	83	170	1456,0	0,0	1456,0	LUC	00	11-21	1456,0	LUC	CH 107455	16/12/2016
				Giọt Dưới 2	83	153	2942,0	0,0	2942,0	LUC	00	17-21	2942,0	LUC		
				Đống Mẹ	84	37	780,0	0,0	780,0	LUC	00	10-20	780,0	LUC		
251	Hộ bà Hoàng Thị Xuân(1954)	001154025525	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mẹ	84	3	1455,0	0,0	1455,0	LUC	00	23-21	1455,0	LUC	CH 107456	16/12/2016
				Giọt Dưới	83	140	766,0	0,0	766,0	LUC	00	18-21	766,0	LUC		
252	Hộ ông Hoàng Mạnh Khang	001061014412	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	129	922,0	0,0	922,0	LUC	00	20-21	922,0	LUC	CH 107457	16/12/2016
				Đống Mẹ 1	84	13	2548,0	0,0	2548,0	LUC	00	1a-20	2548,0	LUC		
				Đống Mẹ 2	84	183	414,0	0,0	414,0	LUC	00	1b-20	414,0	LUC		
253	Hộ ông Phạm Đắc Đông	001065023228	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mẹ	84	26	1476,0	0,0	1476,0	LUC	00	5-20	1476,0	LUC	CH 107458	16/12/2016
254	Bà Hoàng Thị Cúc - Đại diện cho hộ ông Hoàng Văn Thu đã chết	001179017321	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	152	1827,0	0,0	1827,0	LUC	00	15-21	1827,0	LUC	CH 107459	16/12/2016
255	Hộ bà Phạm Thị Phương	001150002579	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	145	7075,0	0,0	7075,0	LUC	00	13-21	7075,0	LUC	CH 107461	16/12/2016
256	Hộ ông Nguyễn Tam Chính	00105300415	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	120	1375,0	0,0	1375,0	LUC	00	24-18	1375,0	LUC	CH 107462	16/12/2016
				Giọt Dưới	83	102	1840,0	0,0	1840,0	LUC	00	31-21	1840,0	LUC		
257	Hộ ông Quang Hồng Chiến	001069005305	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	105	1262,0	0,0	1262,0	LUC	00	30-21	1262,0	LUC	CH 107463	16/12/2016
258	Hộ ông Nguyễn Thị Vở	001159030568	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	108	2247,0	0,0	2247,0	LUC	00	28-21	2247,0	LUC	CH 107464	16/12/2016
259	Hộ ông Nguyễn Tam Ngân	001060044306	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	109	1069,0	0,0	1069,0	LUC	00	27-21	1169,0	LUC	CH 107465	07/12/2016
260	Bà Nguyễn Thị Chín - Đại diện cho hộ ông Nguyễn Văn Đăng đã chết	001163034800	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	112	3514,0	0,0	3514,0	LUC	00	26-21	3514,0	LUC	CH 107466	16/12/2016
261	Hộ ông Nguyễn Hữu Diện	001085042927	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	114	1692,0	0,0	1692,0	LUC	00	25-21	1692,0	LUC	CH 107467	16/12/2016
262	Hộ ông Nguyễn Quốc Huy	001069005300	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	113	1653,0	0,0	1653,0	LUC	00	24-21	1653,0	LUC	CH 107468	16/12/2016
263	Hộ ông Phạm Đắc Được	001058004052	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	56	1795,0	0,0	1795,0	LUC	00	36b-17	1795,0	LUC	CH 107469	16/12/2016
				Đường Rèn	80	94	1605,0	0,0	1605,0	LUC	00	36a-17	1605,0	LUC		
264	Hộ ông Nguyễn Trọng Nam	001063017348	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	81	1275,0	0,0	1275,0	LUC	00	34a-17	1275,0	LUC	CH 107470	16/12/2016
				Đường Rèn	80	82	1440,0	0,0	1440,0	LUC	00	34b-17	1440,0	LUC		
265	Hộ bà Phạm Thị Thi	001166006103	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	106	3460,0	0,0	3460,0	LUC	00	31-17	3460,0	LUC	CH 107472	16/12/2016
266	Hộ bà Phạm Thị Nhớ	001148002083	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn B	80	77	1080,0	0,0	1080,0	LUC	00	35a-17	1080,0	LUC	CH 107473	16/12/2016
				Đường Rèn A	80	84	550,0	0,0	550,0	LUC	00	35a-17	550,0	LUC		
267	Hộ ông Hoàng Văn Đoàn	001066618276	Khu 3, Gia Canh, Định Quán, Đông Nai	Đường Rèn	80	105	2769,0	0,0	2769,0	LUC	00	32-17	2769,0	LUC	CH 107474	16/12/2016
268	Hộ ông Hoàng Văn Tấn	001072005100	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	96	945,0	0,0	945,0	LUC	00	14-18	945,0	LUC	CH 107475	16/12/2016
				Giọt Dưới	83	106	1903,0	0,0	1903,0	LUC	00	29-21	1903,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
269	Hộ bà Nguyễn Thị Phương	001156000987	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	89	2171,0	0,0	2171,0	LUC	00	16-17	2171,0	LUC	CH 107481	16/12/2016
270	Hộ ông Hoàng Văn Quân	001065002236	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	86	1536,0	0,0	1536,0	LUC	00	13-17	1536,0	LUC	CH 107490	16/12/2016
271	Hộ ông Hoàng Văn Hòa (Tuyệt)	112336237	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	87	2149,0	0,0	2149,0	LUC	00	14-17	2149,0	LUC	CH 107491	16/12/2016
272	Hộ ông Vũ Minh Long	001065005050	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	88	2638,0	0,0	2638,0	LUC	00	15-17	2638,0	LUC	CH 107492	16/12/2016
273	Hộ bà Phạm Thị Tươi	001146006737	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	90	2793,0	0,0	2793,0	LUC	00	17-17	2793,0	LUC	CH 107493	16/12/2016
274	Hộ bà Hoàng Thị Nhảy	001150002447	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	101	918,0	0,0	918,0	LUC	00	19-17	918,0	LUC	CH 107494	16/12/2016
				Ba Cây	80	123	698,0	0,0	698,0	LUC	00	22-18	698,0	LUC		
275	Ông Hoàng Văn Thiện - Đại diện cho hộ ông Hoàng Văn Thanh đã chết	001084026024	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	85	1791,0	0,0	1791,0	LUC	00	18-17	1791,0	LUC	CH 107495	16/12/2016
276	Hộ ông Phan Mạnh Cường	001162005829	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	107	2210,0	0,0	2210,0	LUC	00	21-18	2210,0	LUC	CH 107496	16/12/2016
277	Hộ bà Phạm Thị Liễu	001168009481	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	119	1002,0	0,0	1002,0	LUC	00	23-18	1002,0	LUC	CH 107497	16/12/2016
278	Hộ ông Hoàng Văn Pho	001060025983	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	121	2016,0	0,0	2016,0	LUC	00	25-18	2016,0	LUC	CH 107498	16/12/2016
279	Hộ ông Nguyễn Tam Yên	001060014371	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Trong	83	4	1438,0	0,0	1438,0	LUC	00	28-19	1438,0	LUC	CH 107502	07/12/2016
280	Hộ ông Nguyễn Tam Học	001055006266	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	59	1865,0	0,0	1865,0	LUC	00	1-17	1865,0	LUC	CH 107526	16/12/2016
281	Hộ bà Hoàng Thị Nhạn	001486019879	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	57	1678,0	0,0	1678,0	LUC	00	2-17	1678,0	LUC	CH 107527	16/12/2016
282	Hộ ông Nguyễn Tam Thi	001066040253	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	58	924,0	0,0	924,0	LUC	00	3-17	924,0	LUC	CH 107528	16/12/2016
283	Ông Quang Văn Thành	001146001306	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	60	1189,0	0,0	1189,0	LUC	00	4-17	1189,0	LUC	CH 107529	16/12/2016
284	Hộ bà Nguyễn Thị Hương	001170017183	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	61	423,0	0,0	423,0	LUC	00	5-17	423,0	LUC	CH 107530	16/12/2016
285	Ông Nguyễn Trọng Hưng - Đại diện cho hộ bà Nguyễn Thị Phấn đã chết	0010730224787	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	62	2046,0	0,0	2046,0	LUC	00	6-17	2046,0	LUC	CH 107531	16/12/2016
286	Hộ bà Nguyễn Thị Lan	001157007103	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn 1	80	63	798,0	0,0	798,0	LUC	00	7-17	798,0	LUC	CH 107532	16/12/2016
				Đường Rèn 2	80	110	285,0	0,0	285,0	LUC	00	28-17	285,0	LUC		
287	Hộ ông Nguyễn Tam Thanh	001045008872	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	65	1831,0	0,0	1831,0	LUC	00	9-17	1831,0	LUC	CH 107533	16/12/2016
288	Hộ ông Nguyễn Tam Tĩnh	001071049947	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	66	660,0	0,0	660,0	LUC	00	10-17	660,0	LUC	CH 107534	16/12/2016
289	Bà Nguyễn Thị Nhân - Đại diện cho ông Nguyễn Tam Thìn đã chết	001163017497	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	64	1155,0	0,0	1155,0	LUC	00	8-17	1155,0	LUC	CH 107535	16/12/2016
290	Hộ ông Phạm Đắc Hóa	001057004651	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	54	524,0	0,0	524,0	LUC	00	11-17	524,0	LUC	CH 107537	16/12/2016
291	Hộ ông Quang Văn Nam	001045005329	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	70	1136,0	0,0	1136,0	LUC	00	1-18	1136,0	LUC	CH 107538	16/12/2016
292	Bà Lê Thị Duyên Đại diện hộ ông Nguyễn Trọng Ba	001159022949	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	69	825,0	0,0	825,0	LUC	00	2-18	825,0	LUC	CH 107539	16/12/2016
293	Hộ ông Nguyễn Văn Đoàn	001064026219	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	72	365,0	0,0	365,0	LUC	00	3-18	365,0	LUC	CH 107540	16/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
294	Hộ bà Nguyễn Thị Thất	001147016705	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	71	650,0	0,0	650,0	LUC	00	4-18	650,0	LUC	CH 107541	07/12/2016
295	Hộ ông Hoàng Văn Đức	001070005942	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	73	722,0	0,0	722,0	LUC	00	5-18	722,0	LUC	CH 107542	16/12/2016
296	Bà Nguyễn Thị Hoan - Đại diện cho ông Nguyễn Tam Thu đã chết	001163012714	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	75	1479,0	0,0	1479,0	LUC	00	7-18	1479,0	LUC	CH 107543	07/12/2016
297	Hộ ông Quang Văn Hùng	001082021512	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mệ	84	63	3322,0	0,0	3322,0	LUC	00	11-20	3322,0	LUC	CH 107563	07/12/2016
298	Hộ ông Trần Quốc Tuyển	001065034770	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mệ	84	179	1304,0	0,0	1304,0	LUC	00	13-20	1304,0	LUC	CH 107564	16/12/2016
299	Hộ bà Nguyễn Thị Tô	001133004984	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mệ 2	84	40	345,0	0,0	345,0	LUC	00	14b-20	345,0	LUC	CH 107565	07/12/2016
				Đống Mệ 1	84	66	1817,0	0,0	1817,0	LUC	00	14a-20	1817,0	LUC		
300	Hộ ông Trần Văn Khiển	001065004218	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mệ	84	42	764,0	0,0	764,0	LUC	00	8-20	764,0	LUC	CH 107568	07/12/2016
301	Hộ ông Phạm Đắc Phú	001058005208	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mệ	84	43	1822,0	0,0	1822,0	LUC	00	7-20	1822,0	LUC	CH 107569	07/12/2016
302	Bà Lê Thị Oanh - Đại diện cho hộ ông Trần Văn Thuận đã chết	001160044807	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	114	2171,0	0,0	2171,0	LUC	00	24-17	2171,0	LUC	CH 107571	16/12/2016
303	Ông Ứng Quốc Chính - Đại diện cho hộ bà Hoàng Thị Sín	001081030017	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	115	716,0	0,0	716,0	LUC	00	23-17	716,0	LUC	CH 107572	16/12/0216
304	Hộ bà Vũ Thị Chiên	001157004299	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	111	2340,0	0,0	2340,0	LUC	00	27-17	2340,0	LUC	CH 107573	16/12/2016
305	Hộ ông Nguyễn Tam Kiên	001056064883	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	109	468,0	0,0	468,0	LUC	00	29-17	468,0	LUC	CH 107574	16/12/2016
				Đống Mệ	84	45	945,0	0,0	945,0	LUC	00	6-20	945,0	LUC		
306	Hộ ông Phan Đức Thu	001059023380	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	116	2286,0	0,0	2286,0	LUC	00	22-17	2286,0	LUC	CH 107576	16/12/2016
307	Hộ ông Ngô Đức Đạo	001073037146	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rèn	80	117	642,0	0,0	642,0	LUC	00	21-17	642,0	LUC	CH 107577	16/12/2016
308	Hộ ông Phan Văn Hải	001058024870	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	92	855,0	0,0	855,0	LUC	00	12-18	855,0	LUC	CH 107578	16/12/2016
				Đường Rèn	80	118	673,0	0,0	673,0	LUC	00	20-17	673,0	LUC		
309	Hộ ông Hoàng Văn Thành	001077045453	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	95	630,0	0,0	630,0	LUC	00	15-18	630,0	LUC	CH 107579	16/12/2016
310	Hộ ông Hoàng Văn Thiện	001073036750	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	100	1497,0	0,0	1497,0	LUC	00	17-18	1497,0	LUC	CH 107581	16/12/2016
311	Hộ ông Hoàng Văn Kỳ	001165033865	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Trong 2	83	2	924,0	0,0	924,0	LUC	00	37-19	924,0	LUC	CH 107583	07/12/2016
312	Hộ ông Quang Văn Tuấn	001087005524	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	120	1082,0	0,0	1082,0	LUC	00	21-2	1082,0	LUC	CH 107584	16/12/2016
313	Hộ ông Quang Văn Định	001081043619	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	107	998,0	0,0	998,0	LUC	00	22-21	998,0	LUC	CH 107585	16/12/2016
314	Hộ ông Phan Văn Đào	001055003706	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Trong	83	3	2341,0	0,0	2341,0	LUC	00	14-19	2341,0	LUC	CH 107586	07/12/2016
315	Hộ ông Trần Tấn Đắc	001069034061	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cầu Rặng	83	9	1451,8	0,0	1451,8	LUC	00	8-19	1451,8	LUC	CH 107589	16/12/2016
316	Hộ ông Trần Văn Thành	001072006330	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mệ	84	65	2036,0	0,0	2036,0	LUC	00	12-20	2036,0	LUC	CH 107593	07/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
317	Hộ bà Nguyễn Thị Hiệp	001153004478	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	93	1530,0	0,0	1530,0	LUC	00	13-18	1530,0	LUC	CH 107604	16/12/2016
318	Hộ ông Nguyễn Hữu Ích	001050009743	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	12	156,0	0,0	156,0	LUC	00	1b-8	156,0	LUC	CH 117846	07/12/2016
				Năm Cây	85	73	2657,0	0,0	2657,0	LUC	00	49-8	2657,0	LUC		
319	Hộ bà Nguyễn Thị Khiển	001157036235	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	73	463,0	0,0	463,0	LUC	00	25-2	463,0	LUC	CH 117849	07/12/2016
				Đồng Bội	84	160	360,0	0,0	360,0	LUC	00	62b-2	360,0	LUC		
				Năm Cây	85	106	1161,0	0,0	1161,0	LUC	00	35-8	1161,0	LUC		
320	Hộ ông Phạm Đắc Bách	001073031186	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Ba Cây	80	74	663,0	0,0	663,0	LUC	00	6-18	663,0	LUC	CH 117993	16/12/2016
321	Hộ ông Nguyễn Văn Khởi	001059016861	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rền 1	80	55	2276,0	0,0	2276,0	LUC	00	33b-17	2276,0	LUC	CH 117996	16/12/2016
				Đường Rền 2	80	97	2336,0	0,0	2336,0	LUC	00	33a-17	2336,0	LUC		
322	Hộ ông Nguyễn Văn Nhuận	001069041364	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rền	80	45	1040,0	0,0	1040,0	LUC	00	3-10	1040,0	LUC	CH 118000	07/12/2016
323	Hộ ông Nguyễn Đình Vệ	082059003866	Áp 1, Tân Lập 1, Tân Phước, Tiền Giang	Hai Quả	84	123	451,0	0,0	451,0	LUC	00	1-17	451,0	LUC	CH 124202	30/12/2016
				Năm Cây	85	55	737,0	0,0	737,0	LUC	00	2-23	737,0	LUC		
324	Hộ ông Nguyễn Thị Thu Duyên	001178044891	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	87	720,0	0,0	720,0	LUC	00	21-13	720,0	LUC	CH 241688	07/12/2016
325	Hộ ông Nguyễn Tam Tâm	001059037018	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Năm Cây	85	1	4076,0	0,0	4076,0	LUC	00	55-8	4076,0	LUC	CH 107111	07/12/2016
326	Ông Vũ Bá Tinh	001054005728	Tri Lễ, xã Dân Hòa, Hà Nội	Giọt Trên	83	155	1103,0	0,0	1103,0	LUC	00	26-3	1103,0	LUC	DI 775183	20/06/2023
				Giọt Trên	83	161	1213,0	0,0	1213,0	LUC	00	29-3	1213,0	LUC	DI 775184	20/06/2023
				Giọt Dưới	83	165	1574,0	0,0	1574,0	LUC	00	1-21	1574,0	LUC	DI 839264	17/07/2023
				Giọt Trên	83	154	716,0	0,0	716,0	LUC	00	27-3	716,0	LUC	DP 956303	05/09/2024
				Giọt Dưới	83	147	2848,0	0,0	2848,0	LUC	00	14-21	2848,0	LUC	DP 956305	05/09/2024
				Giọt Trên	83	171	1863,0	0,0	1863,0	LUC	00	34-3	1863,0	LUC	DP956345	26/09/2024
327	Nguyễn Thị Liễu	001176004320	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rền	80	108	3114,0	0,0	3114,0	LUC	00	30-17	3114,0	LUC	DO 906290	20/6/2024
328	Ông Hoàng Văn Long - Đại diện cho hộ bà Đỗ Thị Phúc đã chết	001070018016	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đống Mẹ	84	181	776,0	0,0	776,0	LUC						
329	Hộ ông Hoàng Văn Đột	001060004008	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Cui Ngoài	83	88	38,0	0,0	38,0	LUC						
				Cui Ngoài	83	58	2980,0	0,0	2980,0	LUC	00	4-13	2980,0	LUC	CG 241891	7/12/2016
330	Hộ ông Hoàng Văn Hòa	001057025584	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đường Rền	80	113	831,0	0,0	831,0	LUC						
331	Hộ ông Hoàng Văn Long	001070018016	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	133	922,0	0,0	922,0	LUC						
				Đống Mẹ	84	15	1943,0	0,0	1943,0	LUC						
				Đống Mẹ	84	197	598,0	0,0	598,0	LUC						
332	Hộ ông Nguyễn Hữu Cường	001063044044	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	84	141	432,0	0,0	432,0	LUC						
333	Hộ ông Nguyễn Hữu Nhuận	001073066787	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Thôn Bạch Nao	85	119	1100,0	0,0	1100,0	LUC						

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo						Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý						
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
334	Ông Nguyễn Tam Kiêm - Đại diện cho bà Nguyễn Thị Chê đã chết	001056064883	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	173	780,0	0,0	780,0	LUC						
335	Hộ ông Nguyễn Trọng Huy	001063043145	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	128	360,0	0,0	360,0	LUC						
336	Hộ ông Nguyễn Trọng Trường	001070028399	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Đồng Bội	85	144	360,0	0,0	360,0	LUC						
337	Bà Nguyễn Thị Bẩm - Đại diện cho hộ ông Trần Văn Mọc đã chết	001137007010	Thôn Bạch Nao, Tam Hưng	Giọt Dưới	83	186	1800,0	0,0	1800,0	LUC						
				Đường Rèn	80	112	893,0	0,0	893,0	LUC						
II	Đất do UBND xã quản lý là:					210	194.537,4	0,0	194.537,4							
				Đồng Sục Trong	83	70	200,6	0,0	200,6	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	4	1159,2	0,0	1159,2	DTL						
				Đồng Bè	80	7	3926,0	0,0	3926,0	LUC						
				Đồng Bè	80	19	750,0	0,0	750,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	22	575,0	0,0	575,0	LUC						
				Đồng Bè	80	27	760,0	0,0	760,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	29	250,0	0,0	250,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	33	678,8	0,0	678,8	DTL						
				Đồng Bè	80	40	308,0	0,0	308,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	41	536,0	0,0	536,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	49	21894,0	0,0	21894,0	DGT						
				Đường Rèn	80	50	132,9	0,0	132,9	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	52	848,9	0,0	848,9	DGT						
				Đường Rèn	80	53	281,0	0,0	281,0	LUC						
				Đường Rèn	80	67	68,0	0,0	68,0	LUC						
				Đường Rèn	80	68	140,0	0,0	140,0	LUC						
				Đường Rèn	80	79	281,0	0,0	281,0	LUC						
				Đường Rèn	80	80	261,1	0,0	261,1	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	83	2344,9	0,0	2344,9	DTL						
				Thôn Bạch Nao	80	91	1934,5	0,0	1934,5	DTL						
				Thôn Bạch Nao	80	98	1749,9	0,0	1749,9	DTL						
				Đường Rèn	80	102	270,0	0,0	270,0	LUC						
				Đường Rèn	80	103	202,0	0,0	202,0	LUC						
				Đường Rèn	80	104	333,3	0,0	333,3	LUC						
				Đường Rèn	80	122	300,7	0,0	300,7	LUC						
				Thôn Bạch Nao	80	124	947,6	0,0	947,6	DTL						
				Thôn Bạch Nao	80	125	703,9	0,0	703,9	DTL						
				Thôn Bạch Nao	80	126	1677,9	0,0	1677,9	DTL						
				Đồng Bè	80	127	316,0	0,0	316,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	1	488,5	0,0	488,5	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	5	36,6	0,0	36,6	DGT						
				Thôn Bạch Nao	83	6	2520,5	0,0	2520,5	DGT						
				Thôn Bạch Nao	83	7	893,8	0,0	893,8	DGT						
				Thôn Bạch Nao	83	8	215,3	0,0	215,3	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	11	1450,3	0,0	1450,3	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	13	893,4	0,0	893,4	DTL						
				Đồng Thờ Cui	83	15	54,0	0,0	54,0	LUC						
				Đồng Sục Trong	83	17	325,7	0,0	325,7	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	18	527,0	0,0	527,0	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	32	651,6	0,0	651,6	DTL						

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
				Đồng Sục	83	35	157,7	0,0	157,7	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	37	209,0	0,0	209,0	DGT						
				Thôn Bạch Nao	83	47	96,8	0,0	96,8	DGT						
				Đồng Thờ Cui	83	48	100,0	0,0	100,0	LUC						
				Đồng Thờ Cui	83	49	331,0	0,0	331,0	LUC						
				Đồng Thờ Cui	83	50	460,0	0,0	460,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	51	72,5	0,0	72,5	DGT						
				Đồng Sục Trong	83	52	158,0	0,0	158,0	LUC						
				Đồng Sục Trong	83	53	36,0	0,0	36,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	57	1425,5	0,0	1425,5	DGT						
				Thôn Bạch Nao	83	68	957,9	0,0	957,9	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	72	1513,1	0,0	1513,1	DTL						
				Đồng Sục Trong	83	73	157,0	0,0	157,0	LUC						
				Đồng Sục Trong	83	75	90,0	0,0	90,0	LUC						
				Đồng Sục Trong	83	84	819,8	0,0	819,8	LUC						
				Đồng Thờ Cui	83	205	249,6	0,0	249,6	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	89	1152,7	0,0	1152,7	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	92	2024,0	0,0	2024,0	MNC						
				Giọt Trên	83	96	190,7	0,0	190,7	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	98	11261,0	0,0	11261,0	DGT						
				Giọt Trên	83	99	148,5	0,0	148,5	LUC						
				Giọt Dưới	83	100	134,0	0,0	134,0	LUC						
				Giọt Dưới	83	103	1783,6	0,0	1783,6	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	111	21,3	0,0	21,3	BCS						
				Giọt Trên	83	115	195,7	0,0	195,7	LUC						
				Giọt Trên	83	117	270,2	0,0	270,2	LUC						
				Giọt Trên	83	118	157,4	0,0	157,4	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	119	490,9	0,0	490,9	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	128	748,5	0,0	748,5	DTL						
				Giọt Trên	83	130	1207,6	0,0	1207,6	MNC						
				Thôn Bạch Nao	83	141	190,0	0,0	190,0	LUC						
				Giọt Dưới	83	142	705,4	0,0	705,4	LUC						
				Giọt Dưới	83	143	940,9	0,0	940,9	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	144	778,3	0,0	778,3	DTL						
				Giọt Trên	83	148	227,6	0,0	227,6	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	149	1058,6	0,0	1058,6	DGT						
				Thôn Bạch Nao	83	151	363,3	0,0	363,3	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	159	306,0	0,0	306,0	LUC						
				Giọt Trên	83	163	439,3	0,0	439,3	LUC						
				Giọt Dưới	83	172	105,0	0,0	105,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	176	336,0	0,0	336,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	181	815,0	0,0	815,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	185	1365,7	0,0	1365,7	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	187	471,2	0,0	471,2	DTL						
				Đồng Thờ Cui	83	188	528,2	0,0	528,2	DNL						
				Thôn Bạch Nao	83	190	1025,1	0,0	1025,1	DTL						
				Đồng Sục	83	191	139,7	0,0	139,7	LUC						
				Giọt Trên	83	192	140,0	0,0	140,0	LUC						
				Đồng Thờ Cui	83	193	50,0	0,0	50,0	LUC						
				Cầu Rặng	83	194	61,2	0,0	61,2	LUC						
				Thôn Bạch Nao	83	195	667,2	0,0	667,2	DTL						
				Thôn Bạch Nao	83	196	766,9	0,0	766,9	DTL						

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo							Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
				Đồng Bội	84	175	552,1	0,0	552,1	DNL						
				Thôn Bạch Nao	84	176	818,1	0,0	818,1	DTL						
				Thôn Bạch Nao	84	177	587,9	0,0	587,9	DGT						
				Thôn Bạch Nao	84	178	956,1	0,0	956,1	DGT						
				Thôn Bạch Nao	84	180	591,6	0,0	591,6	DGT						
				Đồng Mẹ	84	182	382,2	0,0	382,2	LUC						
				Thôn Bạch Nao	84	184	1009,4	0,0	1009,4	DGT						
				Thôn Bạch Nao	84	185	681,7	0,0	681,7	DTL						
				Thôn Bạch Nao	84	186	748,5	0,0	748,5	DTL						
				Thôn Bạch Nao	84	187	222,0	0,0	222,0	LUC						
				Đồng Bội	84	188	95,0	0,0	95,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	84	189	7406,9	0,0	7406,9	DGT						
				Thôn Bạch Nao	84	190	259,3	0,0	259,3	DTL						
				Đồng Bội	84	191	1293,9	0,0	1293,9	DTL						
				Đồng Bội	84	192	1725,6	0,0	1725,6	DGT						
				Thôn Bạch Nao	84	193	1438,7	0,0	1438,7	DGT						
				Đồng Chày	84	194	1653,5	0,0	1653,5	DGT						
				Đồng Mẹ	84	195	283,5	0,0	283,5	LUC						
				Hải Quả	84	196	228,0	0,0	228,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	2	536,0	0,0	536,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	3	224,0	0,0	224,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	5	325,9	0,0	325,9	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	13	260,6	0,0	260,6	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	17	341,3	0,0	341,3	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	20	743,6	0,0	743,6	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	22	151,0	0,0	151,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	31	1902,1	0,0	1902,1	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	32	515,8	0,0	515,8	DTL						
				Thôn Bạch Nao	85	35	1765,5	0,0	1765,5	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	36	228,0	0,0	228,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	37	506,3	0,0	506,3	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	49	390,0	0,0	390,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	51	29,0	0,0	29,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	52	65,1	0,0	65,1	BCS						
				Thôn Bạch Nao	85	56	498,6	0,0	498,6	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	59	180,4	0,0	180,4	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	67	798,5	0,0	798,5	DTL						
				Thôn Bạch Nao	85	69	297,0	0,0	297,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	70	1543,4	0,0	1543,4	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	72	713,3	0,0	713,3	DTL						
				Thôn Bạch Nao	85	79	597,7	0,0	597,7	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	87	468,0	0,0	468,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	107	2224,3	0,0	2224,3	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	112	1117,5	0,0	1117,5	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	113	359,0	0,0	359,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	114	633,1	0,0	633,1	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	116	461,5	0,0	461,5	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	120	1089,5	0,0	1089,5	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	121	1800,0	0,0	1800,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	122	600,0	0,0	600,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	123	44,0	0,0	44,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	124	1666,0	0,0	1666,0	DGT						

STT	Chủ sử dụng đất	CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo mảnh trích đo						Thông Tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý						
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
				Thôn Bạch Nao	85	131	482,1	0,0	482,1	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	133	496,0	0,0	496,0	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	134	921,0	0,0	921,0	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	135	506,0	0,0	506,0	DNL						
				Thôn Bạch Nao	85	136	1460,3	0,0	1460,3	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	137	480,2	0,0	480,2	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	138	2613,7	0,0	2613,7	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	139	816,7	0,0	816,7	DTL						
				Thôn Bạch Nao	85	140	2264,2	0,0	2264,2	LUC						
				Thôn Bạch Nao	85	141	439,6	0,0	439,6	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	142	446,1	0,0	446,1	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	143	793,6	0,0	793,6	DGT						
				Thôn Bạch Nao	85	145	5143,7	0,0	5143,7	LUC						
				Đồng Sục Trong	83	67	57,0	0,0	57,0	LUC						
III	Tổng cộng (I+II)					674	963.199,2	0	963.199,2							